KHẢO SÁT NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP CỦA SINH VIÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Hà Thị Hằng
Khoa ngoại ngữ, Đại học Bách Khoa Hà Nội
Email: hang.hathi@hust.edu.vn

Tóm tắt: *Viết là một trong những kỹ năng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực ngôn ngữ của người học, đồng thời phản ánh toàn diện trình độ tiếng Trung Quốc ở từng giai đoạn học tập cũng như khả năng vận dụng tổng hợp các kỹ năng ngôn ngữ. Các nghiên cứu hiện nay về giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào kỹ năng nghe - nói, giảng dạy từ vựng và tối ưu hóa phương pháp dạy học trên lớp, trong khi các nghiên cứu thực nghiệm về năng lực viết tiếng Trung Quốc còn tương đối hạn chế. Nghiên cứu này khảo sát sinh viên năm nhất chương trình tiếng Trung Khoa học và Công nghệ, Đại học Bách khoa Hà Nội. Kết quả cho thấy hơn 60% người học cho rằng viết là kỹ năng khó nhất trong học tiếng Trung Quốc và tự đánh giá năng lực viết của bản thân ở mức thấp. Những khó khăn chủ yếu tập trung ở việc viết chữ Hán, vốn từ vựng và vận dụng ngữ pháp. Bên cạnh đó, sinh viên có nhu cầu cao đối với việc hướng dẫn xây dựng ý tưởng, kỹ năng tổ chức bài viết và các chiến lược viết; đồng thời mong muốn áp dụng các hình thức giảng dạy như sửa bài có hướng dẫn, kết hợp giữa giảng giải và thực hành, cùng với sự hỗ trợ của thiết bị đa phương tiện. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở thực nghiệm cho lĩnh vực giảng dạy kỹ năng viết tiếng Trung Quốc tại Việt Nam, đồng thời cung cấp dữ liệu và cơ sở tham khảo nhằm điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động dạy học viết tiếng Trung Quốc trong bối cảnh giáo dục Việt Nam.*

Từ khóa: *tiếng Trung Quốc; trình độ sơ cấp; năng lực Viết.*

A SURVEY OF BEGINNER LEVEL CHINESE WRITING COMPETENCE AMONG STUDENTS MAJORING IN CHINESE FOR SCIENCE AND TECHNOLOGY AT HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

Abstract*: Writing is one of the most important language skills for enhancing learners' overall language proficiency. It not only reflects learners' Chinese proficiency at different stages of learning but also demonstrates their ability to integrate and apply various language skills. Existing studies on Chinese language teaching in Vietnam have primarily focused on listening and speaking skills, vocabulary instruction, and the optimization of classroom teaching methods, while empirical research on Chinese writing proficiency remains relatively limited. This study investigated first-year students enrolled in the Chinese for Science and Technology program at Hanoi University of Science and Technology. The findings reveal that more than 60% of the participants regarded writing as the most challenging Chinese language skill and rated their writing proficiency as relatively low. The major difficulties identified include Chinese character writing, vocabulary acquisition, and grammatical application. In addition, students expressed a strong need for instruction on idea development, text organization, and writing strategies. They also preferred instructional approaches featuring guided feedback, the integration of explanation and practice, and multimedia-assisted teaching. The findings contribute to the empirical literature on Chinese writing instruction in Vietnam and provide practical evidence to support the improvement and refinement of Chinese writing pedagogy in the Vietnamese educational context.*

Keywords: *Chinese language; beginner level; writing proficiency.*

Nhận bài: 05/06/2026 Phản biện: 05/07/2026 Duyệt đăng: 08/07/2026

I. MỞ ĐẦU

Giảng dạy kỹ năng viết tiếng Trung Quốc giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong chương trình thực hành giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngôn ngữ thứ hai. Hiệu quả của hoạt động dạy viết phụ thuộc trước hết vào năng lực viết của người học. Nghiên cứu này nhằm khảo sát năng lực viết tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp của sinh viên, từ đó đề xuất cơ sở thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển kỹ năng viết tiếng Trung Quốc cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Khoa học và Công nghệ tại Đại học Bách khoa Hà Nội nói riêng và ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại các trường đại học ở Việt Nam nói chung.

II. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Viết là một trong những kỹ năng đầu ra cốt lõi trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, đồng thời phản ánh năng lực vận dụng ngôn ngữ một cách tổng hợp của người học. Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung quốc tế, nghiên cứu về giảng dạy kỹ năng viết trong thời gian dài vẫn phát triển chậm hơn so với ba kỹ năng nghe, nói và đọc; thực trạng này đặc biệt rõ ở trình độ sơ cấp (Quyền Thi Di & Khổng Tường Long, 2025). Bên cạnh đó, những hạn chế từ cả hoạt động dạy và học đã làm giảm hiệu quả phát triển năng lực viết tiếng Trung Quốc

(Đỗ Nguyệt Minh, 2025; Bạch Ngọc Mai, 2016). Ở trình độ sơ cấp, vốn từ còn hạn chế và khó khăn trong việc viết chữ Hán tiếp tục ảnh hưởng đến chất lượng cũng như độ dài của bài viết (Cách Tát Như Lạp, 2018). Đồng thời, tồn tại khoảng cách đáng kể giữa giảng dạy viết ở trình độ sơ cấp và trung cấp, làm giảm tính liên thông trong quá trình phát triển kỹ năng viết (Lý Mỹ Nghiên & Đồng Mỹ Hàm, 2024). Tuy nhiên, giai đoạn sơ cấp là nền tảng quan trọng để hình thành năng lực viết, do đó cần xây dựng hệ thống giảng dạy chuyên biệt và phù hợp (Lý Tiểu Phượng & Lý Ngọc Khiết, 2018). Nếu các lỗi ngôn ngữ không được phát hiện và điều chỉnh kịp thời ở giai đoạn này, sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển năng lực viết ở các trình độ trung cấp và cao cấp (Tôn Ninh Ninh, 2019).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu là sinh viên năm nhất ngành tiếng Trung Khoa học và công nghệ, Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội, tất cả đều là người học tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp. Công cụ nghiên cứu là "Bảng hỏi khảo sát năng lực viết tiếng Trung Quốc của sinh viên năm nhất ngành Tiếng Trung Khoa học và Công nghệ, Đại học Bách khoa Hà Nội", do tác giả tự xây dựng, gồm 25 câu hỏi. Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2026, tác giả đã phát 99 bảng hỏi cho sinh viên. Trong đó sinh viên trình độ sơ cấp, có 37 phản hồi hợp lệ, chiếm 37,37% tổng số. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu 10 sinh viên năm nhất của Đại học Bách khoa Hà Nội nhằm bổ sung và đối chiếu kết quả khảo sát. Dữ liệu định lượng thu thập từ bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 26.0 để kiểm định độ tin cậy và độ giá trị của thang đo, qua đó bảo đảm tính tin cậy của kết quả nghiên cứu.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Động cơ học viết tiếng Trung Quốc

Thứ nhất, yêu cầu học tập là động lực chủ yếu trong học tiếng Trung Quốc

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người học có thời gian học tiếng Trung Quốc ở mức ngắn; trong đó, 89.19% người học có thời gian học dưới 1 năm. Động cơ học tiếng Trung Quốc của sinh viên thể hiện đặc điểm động cơ công cụ chiếm ưu thế, động cơ hòa nhập giữ vai trò bổ trợ. Cụ thể, lựa chọn "phục vụ yêu cầu học tập" chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm 15 người, cho thấy việc học tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam chủ yếu xuất phát từ mục đích thực tiễn và yêu cầu học tập. Kết quả được trình bày ở Hình 1.



Hình 1. Kết quả khảo sát thời gian học và động cơ học viết của người học

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát bằng bảng hỏi của tác giả.

Thứ hai, yêu thích kỹ năng viết tiếng Trung Quốc

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ yêu thích kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên nhìn chung ở mức trung bình; trong đó, 48.65% người được khảo sát lựa chọn mức "bình thường". Hơn 78.38% sinh viên cho rằng "viết tiếng Trung Quốc quá khó, ảnh hưởng đến động lực học tập" là nguyên nhân chủ yếu khiến họ không yêu thích kỹ năng viết. Ngược lại, 54.05% người học lựa chọn "mong muốn nâng cao trình độ tiếng Trung Quốc thông qua luyện viết" là lý do chính khiến họ yêu thích kỹ năng viết tiếng Trung Quốc. Kết quả chi tiết được trình bày ở Hình 2.



Hình 2. Kết quả khảo sát mức độ yêu thích kỹ năng Viết tiếng Trung

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát bằng bảng hỏi của tác giả.

2.3.2. Năng lực viết tiếng Trung Quốc

Một là, viết là kỹ năng khó nhất so với các kỹ năng khác

Trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, 48.65% người học đánh giá viết là kỹ năng khó nhất, cao hơn đáng kể so với nghe (37.84%), nói (13.51%). Kết quả khảo sát cho thấy ngữ pháp là trở ngại lớn nhất đối với việc viết (37,84%), tiếp theo là chữ Hán viết tay (29,73%) và vốn từ vựng (24,32%). Điều này cho thấy yêu cầu về viết chữ Hán, vận dụng logic ngữ pháp tiếng Trung Quốc và tổ chức văn bản là những yếu tố chính làm gia tăng mức độ khó của kỹ năng viết đối với người học. Kết quả chi tiết được trình bày ở Hình 3.

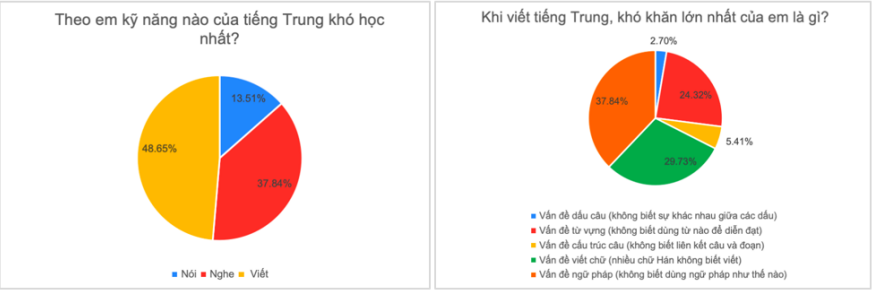

Hình 3. Kết quả khảo sát về nhận thức mức độ khó của kỹ năng Viết tiếng Trung

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát bằng bảng hỏi của tác giả.

Hai là, năng lực viết tiếng Trung Quốc của sinh viên nhìn chung còn hạn chế

Trong đánh giá tổng thể về trình độ viết, chỉ có 5,41% người học tự đánh giá năng lực viết của mình ở mức "khá tốt", trong khi 43,24% cho rằng trình độ viết của bản thân ở mức "trung bình". Tỷ lệ người học tự đánh giá ở mức "không tốt" và "rất kém" cộng lại chiếm 51,35%, phản ánh rằng nhìn chung người học có mức độ tự đánh giá về năng lực đối với kỹ năng viết còn thấp. Kết quả khảo sát về năng lực viết tiếng Trung Quốc của sinh viên theo từng phương diện cho thấy năng lực diễn đạt ý tưởng là hạn chế nổi bật nhất. Có 67,57% người học đánh giá năng lực diễn đạt ý tưởng của mình ở mức "không tốt" hoặc "rất kém". Kết quả này cho thấy khó khăn cốt lõi của người học nằm ở việc tổ chức và truyền tải tư tưởng bằng ngôn ngữ đích, phản ánh rào cản ở tầng sâu của quá trình sản sinh ngôn ngữ. Ngược lại, kiến thức về nét bút và thứ tự nét khi viết chữ Hán là phương diện mà người học thể hiện tương đối tốt. Tỷ lệ người học tự đánh giá ở mức "khá tốt" và "rất tốt" đạt tổng cộng 27,03%, cho thấy người học Việt Nam có mức độ nắm vững tương đối ổn định đối với các tri thức mang tính quy tắc về hình thức của chữ Hán.

2.3.3. Thói quen viết tiếng Trung Quốc

Một là, có ý thức về lập dàn ý trước khi viết nhưng chưa chuẩn bị kiến thức ngôn ngữ

Kết quả khảo sát về hoạt động trước khi viết cho thấy 51.35% người học thường xây dựng dàn ý và xác định nội dung cho từng đoạn trước khi viết, phản ánh phần lớn sinh viên đã hình thành nhận thức ban đầu về lập kế hoạch và tổ chức văn bản, trong khi chỉ 43.24% chủ động chuẩn bị trước từ vựng và mẫu câu có thể sử dụng. Nhìn chung, ý thức lập kế hoạch về nội dung của người học tốt hơn so với việc chuẩn bị kiến thức ngôn ngữ; việc tích lũy từ vựng và cấu trúc câu trước khi viết vẫn còn hạn chế.

Hai là, người học phụ thuộc nhiều vào công cụ hỗ trợ trong quá trình viết

Trong quá trình viết tiếng Trung Quốc, người học có mức độ phụ thuộc khá cao vào các công cụ hỗ trợ. Cụ thể, 56.76% tra cứu tài liệu trên Internet. Đáng chú ý, 27.03% người học áp dụng chiến lược viết trước bằng tiếng Việt rồi dịch sang tiếng Trung Quốc. Một sinh viên A được phỏng vấn chia sẻ: "Em biết cách diễn đạt bằng tiếng Việt nhưng lại không biết từ tương ứng trong tiếng Trung Quốc." Điều này cho thấy một bộ phận người học vẫn chưa hình thành được tư duy diễn đạt trực tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

Ba là, hoạt động tự chỉnh sửa sau khi viết còn ở mức hạn chế

Sau khi hoàn thành bài viết, 72.97% người học tự đọc lại bài, cho thấy thói quen tự kiểm tra cơ bản đã được hình thành. trong khi 10.81% người học lựa chọn nộp bài ngay mà không chỉnh sửa. Nhìn chung, hoạt động chỉnh sửa sau khi viết chủ yếu dừng ở mức phát hiện và sửa lỗi bề mặt, chưa chú trọng đến việc chỉnh sửa cấu trúc văn bản và suy nghĩ chỉnh sửa một cách hệ thống.

Bốn là, tần suất luyện viết ngoài giờ học còn thấp

Kết quả khảo sát về việc luyện viết ngoài giờ học cho thấy 40.54% người học chỉ thỉnh thoảng luyện viết, 21.62% luyện viết đôi khi, chiếm tổng cộng 62.16% số người được khảo sát. Trong khi đó, tỷ lệ người học thường xuyên hoặc luôn chủ động luyện viết chỉ đạt 24.32%, và 13.51% cho biết không bao giờ luyện viết ngoài giờ. Do sự phát triển kỹ năng viết phụ thuộc nhiều vào quá trình thực hành và sản sinh ngôn ngữ, tần suất luyện viết ngoài lớp học còn thấp đã trở thành một trong những yếu tố làm hạn chế tốc độ cải thiện năng lực viết tiếng Trung Quốc của người học.

2.3.4. Nhu cầu đối với hoạt động giảng dạy

Một là, nội dung giảng dạy nên tập trung vào lập ý tưởng viết và cách viết

Trong số các nội dung mong muốn được giảng viên hướng dẫn trên lớp, phương pháp và kỹ thuật viết được lựa chọn nhiều nhất, chiếm 32.43%. Tiếp theo là cách sử dụng từ vựng (16.22%), kiến thức ngữ pháp (16.22%) và cách sử dụng câu (29.73%). Trong khi đó, nhu cầu đối với thể thức trình bày, cách dùng dấu câu và viết chữ Hán ở mức thấp nhất, chỉ chiếm 2.70%. Kết quả cho thấy nhu cầu của người học đang chuyển từ việc tiếp thu kiến thức ngôn ngữ sang việc phát triển phương pháp và chiến lược viết.

Hai là, sửa bài viết ưu tiên hình thức phản hồi mang tính hướng dẫn

Đối với hình thức chữa bài viết, 64.86% người học lựa chọn phương án đánh dấu lỗi, đưa ra gợi ý hoặc đề xuất cách sửa để sinh viên tự chỉnh sửa. Bên cạnh đó, 24.32% lựa chọn hình thức chỉ đánh dấu lỗi để người học tự suy nghĩ và sửa chữa. Nhìn chung, gần 60% người học mong muốn vừa nhận được định hướng rõ ràng từ giảng viên, vừa có cơ hội tự phát hiện và khắc phục lỗi, phản ánh xu hướng phát triển năng lực tự học và tự điều chỉnh trong quá trình viết.

Ba là, người học mong muốn mô hình giảng dạy kết hợp giữa giảng giải và thực hành, với hỗ trợ của đa phương tiện

Về phương thức tổ chức dạy học, 54.05% người học mong muốn áp dụng mô hình kết hợp giữa giảng giải của giảng viên và thực hành của sinh viên; 21.62% kỳ vọng tăng cường sử dụng các phương tiện đa phương tiện (hình ảnh, video, âm nhạc...); 13.51% ưu tiên tăng cường thảo luận và tương tác trên lớp. Trong khi đó, tỷ lệ lựa chọn mô hình lấy giảng viên làm trung tâm hoặc chỉ tập trung vào thực hành của sinh viên lần lượt chỉ đạt 8.11% và 2.70%. Điều này cho thấy người học không đánh giá cao các hình thức giảng dạy đơn thuần mà có xu hướng ưu tiên những mô hình dạy học kết hợp, giàu tính tương tác và tạo hứng thú học tập.

2.3.5. Kiến nghị

Một là, tối ưu hóa nội dung giảng dạy, tăng cường hướng dẫn phương pháp viết

Cần điều chỉnh cơ cấu nội dung của học phần viết tiếng Trung Quốc theo hướng giảm tỷ trọng giảng dạy thuần túy về kiến thức ngôn ngữ, đồng thời tăng cường các nội dung mang tính chiến lược như xây dựng ý tưởng, tổ chức bố cục, phân tích yêu cầu đề bài và xác định trọng tâm bài viết. Đối với những khó khăn đặc thù của sinh viên Việt Nam, nên bắt đầu từ hệ thống chữ Hán thông dụng có tần suất sử dụng cao, từng bước mở rộng phạm vi học tập nhằm giảm tâm lý e ngại khi viết. Việc giảng dạy từ vựng và ngữ pháp cần gắn với các tình huống viết cụ thể, tăng cường luyện tập trong ngữ cảnh để nâng cao khả năng vận dụng.

Hai là, chú trọng hình thành thói quen viết, nâng cao năng lực viết chủ động

Cần xây dựng quy trình hướng dẫn viết theo ba giai đoạn trước khi viết - trong khi viết - sau khi viết. Ở giai đoạn trước khi viết, cần hình thành cho người học thói quen kết hợp lập kế hoạch nội dung với chuẩn bị nguồn lực ngôn ngữ nhằm nâng cao năng lực tổ chức văn bản. Trong quá trình viết, cần định hướng người học hình thành tư duy bằng tiếng Trung Quốc, từng bước giảm sự phụ thuộc vào từ điển và chiến lược dịch từ tiếng mẹ đẻ. Sau khi viết, cần hướng dẫn các phương pháp tự kiểm tra và chỉnh sửa nhằm nâng cao chiều sâu của hoạt động phản hồi và khả năng tự điều chỉnh bài viết.

Ba là, chuyển đổi, nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi và chữa bài

Cần xây dựng cơ chế phản hồi và chữa bài viết một cách hệ thống, giúp sinh viên nhận thức đầy đủ vai trò của phản hồi trong quá trình phát triển kỹ năng viết. Có thể tăng cường hiệu quả phản hồi thông qua các hoạt động như tổng hợp lỗi điển hình, đối chiếu với bài viết mẫu và viết lại bài sau khi nhận góp ý. Đối với các lỗi phổ biến, giảng viên nên tổ chức phân tích và sửa lỗi tập trung trên lớp nhằm nâng cao hiệu quả chung. Đồng thời, bên cạnh việc chỉ ra lỗi, cần đưa ra định hướng và gợi ý chỉnh sửa, tạo điều kiện để người học tự phát hiện và khắc phục lỗi, từ đó phát triển năng lực tự sửa lỗi.

Bốn là, đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, nâng cao hứng thú học viết

Cần khai thác hiệu quả các thiết bị đa phương tiện và phương pháp dạy học tương tác nhằm đa dạng hóa hình thức tổ chức lớp học viết. Việc sử dụng hình ảnh, video ngắn và các tư liệu trực quan để xây dựng ngữ cảnh viết sẽ giúp giảm khó khăn trong việc tiếp cận chủ đề. Đồng thời, nên tăng cường các hoạt động như thảo luận nhóm, đánh giá đồng đẳng, chữa bài theo cặp và trình bày sản phẩm trên lớp để nâng cao mức độ tham gia của sinh viên. Bên cạnh đó, có thể kết hợp các công cụ công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động luyện viết nhằm giảm tính đơn điệu của giờ học, từng bước nâng cao hứng thú và sự tự tin của người học đối với kỹ năng viết tiếng Trung Quốc.

2.3.6. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế, đặc biệt là chưa phân tích riêng năng lực viết theo từng thể loại văn bản như văn tự sự, văn ứng dụng và văn nghị luận. Trong các nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ tiến hành so sánh năng lực viết theo từng thể loại và từng trình độ người học nhằm làm rõ hơn đặc điểm phát triển năng lực viết tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát và phân tích năng lực viết tiếng Trung Quốc của sinh viên năm nhất ngành Tiếng Trung Khoa học và Công nghệ, Đại học Bách khoa Hà Nội cho thấy hơn 60% người học đánh giá viết là kỹ năng khó nhất trong bốn kỹ năng tiếng Trung Quốc, đồng thời tự đánh giá năng lực viết của bản thân ở mức thấp. Những khó khăn chủ yếu tập trung ở viết chữ Hán, vốn từ vựng và vận dụng ngữ pháp. Mặc dù người học đã hình thành ý thức lập kế hoạch trước khi viết và tự kiểm tra sau khi viết, nhưng trong quá trình viết vẫn phụ thuộc nhiều vào các công cụ hỗ trợ như từ điển và bài mẫu; hiện tượng dịch từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Trung Quốc còn khá phổ biến. Bên cạnh đó, việc chỉnh sửa sau khi viết còn mang tính bề mặt, thiếu hoạt động tự suy nghĩ, tự phản biện và chỉnh sửa chuyên sâu. Về nhu cầu học tập, người học mong muốn được hướng dẫn nhiều hơn về phương pháp xây dựng ý tưởng, tổ chức bố cục và cách viết đồng thời kỳ vọng áp dụng các hình thức phản hồi mang tính hướng dẫn, kết hợp giữa giảng giải và thực hành, cùng với sự hỗ trợ của phương tiện đa phương tiện trong giảng dạy.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST) trong đề tài mã số T2025-PC-003

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bạch Ngọc Mai (2016). Bàn về phương pháp giảng dạy học phần Viết tiếng Trung Quốc cho lưu học sinh trình độ sơ cấp. Tạp chí Viết Văn (Trung Quốc), (12), 35-41.

Đỗ Nguyệt Minh (2025). Nghiên cứu đánh giá chất lượng Viết tiếng Trung Quốc như ngôn ngữ thứ hai dựa trên độ phong phú từ vựng. Ngoại ngữ Hiện đại (Trung Quốc), 48(6), 806-818.

Cách Tát Như Lạp (2018). Nghiên cứu thực tiễn vận dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ trong giảng dạy Viết tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp. Tạp chí Học viện Hắc Hà (Trung Quốc), 9 (7), 128-129.

Lý Mỹ Nghiên, Đổng Mỹ Hàm (2024). Nghiên cứu hiệu quả vận dụng thuyết đa trí tuệ trong giảng dạy học phần Viết tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp. Khoa học Xã hội Hắc Long Giang (Trung Quốc), (4), 74-78.

Lý Tiểu Phượng, Lý Ngọc Khiết (2018). Phân tích trường hợp điển hình về lỗi Viết tiếng Trung Quốc của người học trình độ sơ cấp. Tạp chí Trường Đại học Sư phạm Miên Dương (Trung Quốc), 37(1), 73-80.

Quyền Thi Di, Khổng Tường Long (2025). Giảng dạy Viết tiếng Trung Quốc quốc tế trình độ sơ cấp theo mô hình xây dựng hệ thống từ vựng theo chủ đề: Lấy giáo trình Giáo trình Hán ngữ Quyển 2 (Quyển Hạ) làm ví dụ. Văn hóa Chữ Hán (Trung Quốc), (5), 132-136.

Tôn Ninh Ninh (2019). Nghiên cứu mô hình giảng dạy Viết tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp dựa trên phương pháp giảng dạy giàn giáo. Tạp chí Trường Đại học Sư phạm Vân Nam (Giảng dạy và Nghiên cứu Tiếng Trung Quốc đối ngoại) (Trung Quốc), 17(2), 1-7.